

<p>145. Kinh Giáo Giới Phú-lâu-na</p>	<p>145. Advice to Puṇṇa (Puṇṇovāda Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>145. Kinh Giáo giới Phú-lâu-na (P. <i>Puṇṇovādasuttaṃ</i>, H. 教富樓那經).¹⁴¹ Được đức Phật xác vấn về lý tưởng truyền bá chân lý, Tôn giả Puṇṇa (Phú-lâu-na) kiên định rằng Ngài không sợ mắng nhiếc, đánh đập, ném đá, dùng hung khí tấn công, thậm chí bị giết chết bởi người dân nước Sunāparanta hung hãn. Giữ được trạng thái an tịnh trong mọi nghịch cảnh và không chấp thủ mọi thứ trên đời là nền tảng thành công trong hành đạo và phụng sự nhân sinh.</p>	<p>145. Puṇṇovāda Sutta: Advice to Puṇṇa. The bhikkhu Puṇṇa receives a short exhortation from the Buddha and decides to go live among the fierce people of a remote territory.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Nāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sāvattṭhī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).</p> <p>Rồi Tôn giả Puṇṇa (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Puṇṇa bạch Thế Tôn:</p> <p>-- Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.</p> <p>-- Vậy này Puṇṇa, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.</p>	<p>[267] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Sāvattṭhī in Jeta’s Grove, Anāthapiṇḍika’s Park.</p> <p>Then, when it was evening, the venerable Puṇṇa rose from meditation and went to the Blessed One.¹³¹⁵ After paying homage to the Blessed One, he sat down at one side and said to him:</p> <p>2. “Venerable sir, it would be good if the Blessed One would give me brief advice. Having heard the Dhamma from the Blessed One, I will abide alone, withdrawn, diligent, ardent, and resolute.”</p> <p>“Well then, Puṇṇa, listen and attend carefully to what I shall say.”</p>

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
Tôn giả Puṇṇa vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh; và này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Puṇṇa,
có những tiếng do tai nhận thức;
có những hương do mũi nhận thức;
có những vị do lưỡi nhận thức;
có những cảm xúc do thân nhận thức;
có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc,
khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Puṇṇa. Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Puṇṇa, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

“Yes, venerable sir,” the venerable Puṇṇa replied. The Blessed One said this:

3. “Puṇṇa, there are forms cognizable by the eye that are wished for, desired, agreeable, and likeable, connected with sensual desire and provocative of lust.

If a bhikkhu delights in them, welcomes them, and remains holding to them, delight arises in him. With the arising of delight, Puṇṇa, there is the arising of suffering, I say.¹³¹⁶

There are, Puṇṇa,
sounds cognizable by the ear...
odours cognizable by the nose...
flavours cognizable by the tongue...
tangibles cognizable by the body...
mind-objects cognizable by the mind that are wished for,
desired, agreeable, and likeable, connected with sensual
desire [268] and provocative of lust.

If a bhikkhu delights in them, welcomes them, and remains holding to them, delight arises in him. With the arising of delight, Puṇṇa, there is the arising of suffering, I say.

Này Puṇṇa, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức;

có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Puṇṇa, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Puṇṇa, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vẫn tất?

-- Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tất, có một quốc độ tên là Sunāparanta (Tây Phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây.

-- Này Puṇṇa, người nước Sunāparanta là hung bạo. Này Puṇṇa, người nước Sunāparanta là thô ác. Này Puṇṇa, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông sẽ như thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunāparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta".

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

4. "Puṇṇa, there are forms cognizable by the eye... sounds cognizable by the ear... odours cognizable by the nose... flavours cognizable by the tongue... tangibles cognizable by the body...

mind-objects cognizable by the mind that are wished for, desired, agreeable, and likeable, connected with sensual desire and provocative of lust.

If a bhikkhu does not delight in them, welcome them, and remain holding to them, delight ceases in him. With the cessation of delight, Puṇṇa, there is the cessation of suffering, I say.

5. "Now that I have given you this brief advice, Puṇṇa, in which country will you dwell?"

"Venerable sir, now that the Blessed One has given me this brief advice, I am going to dwell in the Sunāparanta country."

"Puṇṇa, the people of Sunāparanta are fierce and rough. If they abuse and threaten you, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta abuse and threaten me, then I shall think: 'These people of Sunāparanta are excellent, truly excellent, in that they did not give me a blow with the fist.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think thus, Sublime One."

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: ""Thật là thiện, người nước Sunāparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunāparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta".

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunapa ranta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta ! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta ! Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta".

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy gậy đánh đập Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy gậy đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta ! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta ! Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta".

"But, Puṇṇa, if the people of Sunāparanta do give you a blow with the fist, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta do give me a blow with the fist, then I shall think: 'These people of Sunāparanta are excellent, truly excellent, in that they did not give me a blow with a clod.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think thus, Sublime One."

"But, Puṇṇa, if the people of Sunāparanta do give you a blow with a clod, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta do give me a blow with a clod, then I shall think: 'These people of Sunāparanta are excellent, truly excellent, in that they did not give me a blow with a stick.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think thus, Sublime One." [269]

"But, Puṇṇa, if the people of Sunāparanta do give you a blow with a stick, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta do give me a blow with a stick, then I shall think: 'These people of Sunāparanta are excellent, truly excellent, in that they did not give me a blow with a knife.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao đánh đập Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunāparanta ! Thật là chí thiện, các người nước Sunāparanta! Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ta".

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

-- Nhưng này Puṇṇa, nếu các người nước Sunāparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng Ông, thời này Puṇṇa, tại đây Ông nghĩ thế nào?

-- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunāparanta sẽ lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: "Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy".

Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

-- Lành thay, lành thay, này Puṇṇa! Này Puṇṇa, Ông có thể sống trong nước Sunāparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Puṇṇa, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

thus, Sublime One."

"But, Puṇṇa, if the people of Sunāparanta do give you a blow with a knife, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta do give me a blow with a knife, then I shall think: 'These people of Sunāparanta are excellent, truly excellent, in that they have not taken my life with a sharp knife.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think thus, Sublime One."

"But, Puṇṇa, if the people of Sunāparanta do take your life with a sharp knife, what will you think then?"

"Venerable sir, if the people of Sunāparanta do take my life with a sharp knife, then I shall think thus: 'There have been disciples of the Blessed One who, being repelled, humiliated, and disgusted by the body and by life, have sought an assailant. But I have obtained this assailant without even a search.'

Then I shall think thus, Blessed One; then I shall think thus, Sublime One."

6. "Good, good, Puṇṇa! Possessing such self-control and peacefulness, you will be able to dwell in the Sunāparanta country. Now, Puṇṇa, it is time to do as you think fit."

Rồi Tôn giả Puṇṇa, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunāparanta.

Tiếp tục du hành, Tôn giả Puṇṇa đi đến nước Sunāparanta. Tại đây, Tôn giả Puṇṇa sống trong nước Sunāparanta.

Rồi Tôn giả Puṇṇa nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh.

Sau một thời gian, Tôn giả Puṇṇa mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Puṇṇa ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là thế nào?

-- Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Puṇṇa là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Puṇṇa đã nhập Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7. Then, having delighted and rejoiced in the Blessed One's words, the venerable Puṇṇa rose from his seat, and after paying homage to the Blessed One, departed keeping him on his right. He then set his resting place in order, took his bowl and outer robe, and set out to wander towards the Sunāparanta country.

Wandering by stages, he eventually arrived in the Sunāparanta country, and there he lived.

Then, during that Rains, the venerable Puṇṇa established five hundred men lay followers and five hundred women lay followers in the practice, and he himself realised the three true knowledges.

On a later occasion, the venerable Puṇṇa attained final Nibbāna.¹³¹⁷

8. Then a number of bhikkhus went to the Blessed One, and after paying homage to him, they sat down at one side and told him:

“Venerable sir, the clansman Puṇṇa, who [270] was given brief advice by the Blessed One, has died. What is his destination? What is his future course?”

“Bhikkhus, the clansman Puṇṇa was wise. He practised in accordance with the Dhamma and did not trouble me in the interpretation of the Dhamma. The clansman Puṇṇa has attained final Nibbāna.”

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

1315. This Puṇṇa is a different person from Puṇṇa Mantāṇiputta of MN 24. He was from a family of merchants residing in the port city of Suppāraka in the Sunāparanta country (present-day Maharashtra). On a business trip to Sāvattihī he heard the Buddha give a discourse and renounced the home life to become a bhikkhu.

1316. MA explains this instruction as a short teaching on the Four Noble Truths. Delight (*nandī*) is an aspect of craving. Through the arising of delight in regard to the eye and forms there arises the suffering of the five aggregates. Thus in this first part of the instruction the Buddha teaches the round of existence by way of the first two truths—suffering and its origin—as they occur through the six senses. In the second part (§4) he teaches the ending of the round by way of the second two truths—cessation and the path— expressed as the abandoning of delight in the six senses and their objects.

1317. That is, he expired. Since the Buddha still refers to Puṇṇa as a clansman (*kulaputta*), he must have died within a short time after returning to the Sunāparanta country. The texts leave no record of how he died. The version of this sutta at SN 35:88 (iv.60–63) says that he expired during his first rains retreat there.